TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT PHIẾU LẤY Ý KIẾN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2014 ĐỢT XÉT TỐT NGHIỆP THÁNG 09/2014

Nhằm thu thập ý kiến đóng góp của sinh viên tốt nghiệp năm 2014 để đánh giá mức độ thích ứng kết quả đào tạo của nhà trường với nhu cầu của thị trường lao động. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại trường Đại học Mở TP.HCM. Phòng Quản lý đào tạo kết hợp cùng các Khoa có sinh viên nhận bằng tốt nghiệp trong đợt xét tốt nghiệp vào tháng 09/2014 đã phát phiếu lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp.

Nội dung "Phiếu lấy ý kiến sinh viên tốt nghiệp" gồm 6 phần chính:

1. Thông tin cá nhân.
2. Thông tin về việc làm.
3. Mức độ ảnh hưởng của bằng tốt nghiệp trường Đại học Mở TP.HCM đối với công việc hiện tại.
4. Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường.
5. Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường.
6. Đánh giá về kết quả đào tạo.

PHẦN 1: THÔNG TIN CÁ NHÂN

Phần này yêu cầu sinh viên tốt nghiệp cung cấp cho trường các thông tin: mã số sinh viên, điện thoại, e-mail, địa chỉ để liên lạc qua lại giữa nhà trường và sinh viên tốt nghiệp sau này. Thông tin này là cầu nối liên lạc, phát triển và duy trì hệ thống Câu lạc bộ Cựu sinh viên và cùng rà soát chương trình đào tạo của các ngành đào tạo của trường.

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ VIỆC LÀM

Thời điểm phát và nhận phiếu: sinh viên tốt nghiệp nhận phiếu và cung cấp thông tin đồng thời cho ý kiến vào thời điểm nhận bằng tốt nghiệp tại văn phòng Khoa. Thời gian từ khi có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đến khi nhận bằng tốt nghiệp trung bình lớn hơn 1.5 tháng.

Số phiếu phát ra và đã được Phòng Quản lý đào tạo quét lưu trữ: **1372 phiếu**. Sau khi lọc dữ liệu chỉ sử dụng được **1145 phiếu** phản hồi hợp lệ (có đủ thông tin phản hồi của người học) có thể sử dụng để khảo sát với độ tin cậy cao. Chiếm tỷ lệ 83.45% tổng số phiếu phát ra. Chuyển dữ liệu của 228 phiếu phản hồi từ đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014 về đợt đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 để xử lý vì một số khoa có số phiếu phản hồi nhỏ hơn 30 phiếu. Do đó, số phiếu sử dụng khảo sát trong đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014 là **1373 phiếu.**

Tổng số phiếu được sử dụng khảo sát: **1373.**

Số sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm: **824** chiếm tỷ lệ **60.01%.**

Số sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm: **549** chiếm tỷ lệ **39.99%.**

Câu 6: Lý do chưa từng làm việc kể từ khi tốt nghiệp	**Số SV**	**Tỷ lệ (%)**
1. Đi học tiếp tục	72	13.11
2. Chưa có ý định tìm việc	53	9.65
3. Đang xin việc chưa có kết quả	346	63.02
4. Đã xin việc nhưng không thành công	66	12.02
5. Thiếu thông tin việc làm	12	2.19
Tổng cộng	**549**	**100**

Tình hình sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm

Câu 7: Thời gian tìm được việc làm	**Số SV**	**Tỷ lệ (%)**
1. Có việc làm trước khi TN	422	51.21
2. Trong vòng 1 tháng	169	20.51
3. Từ 2 - < 3 tháng	140	16.99
4. Từ 3 - 6 tháng	53	6.43
5. Trên 6 tháng	40	4.85
Tổng cộng	**824**	**100**

Câu 8: Mức độ phù hợp của công việc so với ngành đào tạo	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Không phù hợp	84	10.19
2. Ít	145	17.60
3. Trung bình	167	20.27
4. Khá	200	24.27
5. Hoàn toàn phù hợp	228	27.67
Câu 9: Làm việc trong đơn vị thuộc thành phần kinh tế	**Số SV**	**Tỷ lệ (%)**
1. Cơ quan nhà nước	75	9.10
2. Đoàn thể/Ban ngành	14	1.70
3. Doanh nghiệp tư nhân	563	68.33
4. Kinh tế hộ cá thể	20	2.43
5. Tổ chức nước ngoài	152	18.45
Câu 10: Mức thu nhập bình quân/tháng	**Số SV**	**Tỷ lệ (%)**
1. Dưới 3 triệu	49	5.95
2. Từ 3 - < 5 triệu	372	45.15
3. Từ 5 - < 7 triệu	249	30.22
4. Từ 7 - 10 triệu	121	14.68
5. Trên 10 triệu	33	4.00

PHẦN 3: MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA BẰNG TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC HIỆN TẠI

Câu 11: Mức lương hiện tại	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Không ảnh hưởng	187	22.69
2. Ít	156	18.93
3. Trung bình	297	36.04
4. Khá	145	17.60
5. Ảnh hưởng rất nhiều	39	4.73
Câu 12: Có cơ hội thăng tiến trong công việc	**Số SV**	**Tỷ lệ (%)**
1. Không ảnh hưởng	108	13.11
2. Ít	138	16.75
3. Trung bình	298	36.17
4. Khá	219	26.58
5. Ảnh hưởng rất nhiều	61	7.40

Câu 34:

Câu 34: Khi có điều kiện tiếp tục học tập, Anh/Chị có chọn Trường Đại học Mở TP. HCM để đăng ký học tiếp hay không ?	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Không trả lời	3	0.22
2. Có	1219	88.78
3. Không	151	11.00

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG

mdo01: Không đồng ý mdo02: Đồng ý ít mdo03: Đồng ý mức trung bình mdo04: Đồng ý mức khá mdo05: Đồng ý hoàn toàn

Nội dung tiêu chí	md01	md02	md03	md04	md05	tu_tbinh	tu_kha	tl_tbinh	tl_kha
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	26	104	327	287	80	694	367	84.22%	44.54%
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	12	165	427	599	164	1190	763	87.05%	55.82%
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	22	100	440	597	206	1243	803	91.06%	58.83%
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	21	95	394	592	264	1250	856	91.51%	62.66%
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	12	26	242	657	431	1330	1088	97.22%	79.53%

PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ VỀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG

mdo01: Yếu mdo02: Kém mdo03: Trung bình mdo04: Khá mdo05: Tốt

Nội dung tiêu chí	md01	md02	md03	md04	md05	tu_tbinh	tu_kha	tl_tbinh	tl_kha
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	4	17	287	591	472	1350	1063	98.47%	77.53%
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	12	90	409	580	278	1267	858	92.55%	62.67%
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	17	102	493	543	217	1253	760	91.33%	55.39%
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	18	82	428	583	258	1269	841	92.70%	61.43%
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	21	108	457	534	248	1239	782	90.57%	57.16%
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	13	58	320	596	380	1296	976	94.81%	71.40%
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	5	20	178	629	540	1347	1169	98.18%	85.20%
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	23	48	320	658	318	1296	976	94.81%	71.40%
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	9	91	402	592	274	1268	866	92.69%	63.30%
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	28	154	490	509	188	1187	697	86.71%	50.91%
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	14	74	417	587	276	1280	863	93.57%	63.08%

PHẦN 6: ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

mdo01: Yếu mdo02: Kém mdo03: Trung bình mdo04: Khá mdo05: Tốt

Nội dung tiêu chí	md01	md02	md03	md04	md05	tu_tbinh	tu_kha	tl_tbinh	tl_kha
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	3	33	422	745	169	1336	914	97.38%	66.62%
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	3	72	523	639	134	1296	773	94.53%	56.38%
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	7	63	496	652	151	1299	803	94.89%	58.66%
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	19	131	656	439	123	1218	562	89.04%	41.08%
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	5	34	408	688	233	1329	921	97.15%	67.32%

PHẦN 7: TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH TOÀN TRƯỜNG

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 228 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014) + 1145 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014) = 1373

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.35	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.54	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.63	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.72	K
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.07	Khá
		M=3.66	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.10	Khá
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	6	3.75	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	9	3.61	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	7	3.72	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	8	3.64	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	3.93	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.22	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.88	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	6	3.75	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	10	3.49	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	5	3.76	Khá
		M=3.81	**K**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.76	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.60	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.64	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.38	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.81	Khá
		M=3.64	**Khá**

PHẦN 8: TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH CÁC KHOA

8.1. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA ĐÀO TẠO ĐẶC BIỆT

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh - \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 118 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014) + 7 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014) = 125

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.35	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	3	3.68	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	2	3.80	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	4	3.58	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.13≈4.1	Khá
		M=3.71	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	1	4.24	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	5	3.84	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	3	4.13≈4.1	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	2	4.18≈4.2	Tốt
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	9	3.32	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	6	3.78	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	4	3.94	Khá
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	7	3.52	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	8	3.50	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	10	3.17≈3.2	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	7	3.52	Khá
		M=3.74	**Khá**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.86	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	5	3.64	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.75	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	4	3.73	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.90	Khá
		M=3.78	**Khá**

8.2. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA XÃ HỘI HỌC – CÔNG TÁC XÃ HỘI – ĐÔNG NAM Á HỌC

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 10 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014) + 121 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014) = 131

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.24	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.29	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.45	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.50	Kha
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.15≈4.2	Tốt
		M=3.53	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.16≈4.2	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	8	3.66	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	11	3.42	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	10	3.60	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	9	3.64	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	4	4.03	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.31	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	6	3.92	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	3	4.05	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	7	3.71	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	5	3.98	Khá
		M=3.86	**Khá**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	1	3.72	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.47	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.59	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.15≈3.2	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	2	3.66	Khá
		M=3.52	**Khá**

8.3. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA NGOẠI NGỮ

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 142

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.60	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	3	3.78	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	4	3.64	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.79	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.06	Khá
		M=3.78	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.02	Khá
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	9	3.51	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	10	3.45	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	8	3.53	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	7	3.58	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	3.96	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.23	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.83	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	5	3.79	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	11	3.41	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	6	3.76	Khá
		M=3.73	**Khá**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	3	3.85	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	2	3.86	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.85	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	1	4.16≈4.2	Tốt
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	4	3.77	Khá
		M=3.90	**Khá**

8.4. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1,1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1,2 đến dưới 2,1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2,2 đến dưới 3,1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3,2 đến dưới 4,1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4,2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 240

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.60	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.65	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	2	3.92	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	3	3.90	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.08	K
		M=3.83	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.11≈4.1	Khá
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	5	3.93	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	7	3.64	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	8	3.63	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	6	3.65	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	4	3.97	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.30	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	3	4.04	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	8	3.63	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	9	3.43	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	7	3.64	Khá
		M=3.81	**Khá**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.79	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	3	3.73	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	4	3.70	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.33	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.80	Khá
		M=3.67	**Khá**

8.5. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2*mdo02 + 3*mdo03 + 4*mdo04 + 5*mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 2 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014) + 120 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014) = 122

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.35	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.67	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.77	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	4.01	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.24	Tốt
		M=3.81	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	1	4.25	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	10	3.46	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	9	3.54	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	7	3.80	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	9	3.54	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	4.08	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	2	4.23	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	4.06	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	6	3.87	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	8	3.74	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	5	3.92	Khá
		M=3.86	**Khá**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	1	3.84	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	2	3.71	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	4	3.65	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.05	Trung bình
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	3	3.68	Khá
		M=3.59	**Khá**

8.6. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 94

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.26	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.59	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.81	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.91	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.10	K
		M=3.73	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.16≈4.2	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	3	4.03	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	9	3.72	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	8	3.81	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	10	3.70	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	5	3.94	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.17≈4.2	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.96	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	7	3.87	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	11	3.66	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	6	3.90	Khá
		M=3.90	**Khá**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.82	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.55	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.56	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.40	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.96	Khá
		M=3.66	**Khá**

8.7. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 85

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.12≈3.1	Trung bình
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	4	3.26	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	3	3.57	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.68	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.02	Khá
		M=3.53	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.04	Khá
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	10	3.67	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	6	3.78	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	5	3.82	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	9	3.72	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	3.89	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.13≈4.1	Khá
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.84	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	7	3.75	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	11	3.52	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	8	3.74	Khá
		M=3.81	**Khá**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.62	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.29	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.41	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.23	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.84	Khá
		M=3.48	**Khá**

8.8. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 231

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.09	Trung bình
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	3	3.40	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	4	3.39	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.45	K
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	3.89	Kha
		M=3.44	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	3.87	Khá
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	6	3.69	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	11	3.45	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	9	3.58	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	7	3.66	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	8	3.64	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.12≈4.1	Khá
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.76	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	3	3.79	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	10	3.51	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	5	3.70	Khá
		M=3.71	**K**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.64	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.45	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.54	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.36	Khá
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.65	Khá
		M=3.53	**Khá**

8.9. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 22 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014) + 80 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014) = 102

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.09	Trung bình
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	3	3.25	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	4	3.20	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.61	Khá
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	3.93	Khá
		M=3.41	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.02	Khá
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	6	3.63	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	8	3.60	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	7	3.61	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	5	3.64	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	3.95	Khá
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.28	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	3.66	Khá
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	10	3.39	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	11	3.07	Trung bình
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	9	3.50	Khá
		M=3.67	**Khá**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	2	3.72	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	3	3.45	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	3	3.45	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	4	3.04	Trung bình
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	4.16≈4.2	Tốt
		M=3.56	**Khá**

8.10. TÍNH GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH KHOA XÂY DỰNG VÀ ĐIỆN

Tính giá trị trung bình thang đo mức độ theo công thức:

$$Tbinh = \frac{mdo01 + 2 * mdo02 + 3 * mdo03 + 4 * mdo04 + 5 * mdo05}{mdo01 + mdo02 + mdo03 + mdo04 + mdo05}$$

Kết luận:

TBinh có giá trị từ 0 đến dưới 1.1 : Kém
TBinh có giá trị từ 1.2 đến dưới 2.1 : Yếu
TBinh có giá trị từ 2.2 đến dưới 3.1 : Trung bình
TBinh có giá trị từ 3.2 đến dưới 4.1 : Khá
TBinh có giá trị từ 4.2 trở lên : Tốt

Tổng số phiếu phản hồi: 76 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 05/2014) + 25 (Đợt xét tốt nghiệp tháng 09/2014) = 101

	Thứ tự	TBinh	Kết luận
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường			
Câu 13: Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc	5	3.69	Khá
Câu 14: Chương trình đào tạo có nhiều môn lựa chọn	3	3.75	Khá
Câu 15: Nội dung chương trình được cập nhật, đổi mới theo nhu cầu XH	4	3.70	Khá
Câu 16: Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý	2	3.89	K
Câu 17: Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học	1	4.29	Tốt
		M=3.87	**Khá**
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường			
Câu 18: Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ	2	4.38	Tốt
Câu 19: Nguồn tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu của SV	7	4.03	Khá
Câu 20: Trang thiết bị lớp học phục vụ tốt cho việc dạy và học	11	3.63	Khá
Câu 21: Các phòng học đảm bảo cho việc dạy và học	9	3.91	Khá
Câu 22: Mức độ đáp ứng của bãi gửi xe, nhà vệ sinh, y tế, căn tin	6	4.08	Khá
Câu 23: Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)	3	4.35	Tốt
Câu 24: Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa	1	4.59	Tốt
Câu 25: Thái độ phục vụ của nhân viên các bộ phận khác	4	4.21	Tốt
Câu 26: Mức độ phong phú của các hoạt động ngoại khóa	8	3.97	Khá
Câu 27: Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội	10	3.79	Khá
Câu 28: Các hoạt động hỗ trợ sinh viên	5	4.14≈4.1	Khá
		M=4.10	**K**
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo			
Câu 29: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu	3	3.80	Khá
Câu 30: Ứng dụng kiến thức vào công việc thực tiễn	4	3.77	Khá
Câu 31: Ứng dụng kỹ năng vào công việc thực tiễn	2	3.81	Khá
Câu 32: Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	5	3.13≈3.1	Trung bình
Câu 33: Khả năng sử dụng tin học trong công việc	1	3.99	Khá
		M=3.70	**Khá**

PHẦN 9: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HỆ THỐNG HỖ TRỢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO:

Nội dung	KT (Xây dựng và điện)	NN (Ngoại ngữ)	KK (Kế toán - Kiểm toán)	TC (Tài chính - Ngân hàng)	SH (Công nghệ sinh học)	DB (Đào tạo đặc biệt)	XH (Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á học)	KI (Kinh tế và Luật)	QT (Quản trị kinh doanh)	TH (Công nghệ thông tin)
Phần 4: Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường	3.87	3.78	3.83	3.73	3.81	3.71	3.53	3.53	3.44	3.41
Phần 5: Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường	4.10	3.73	3.81	3.90	3.86	3.74	3.86	3.81	3.71	3.67
Phần 6: Đánh giá về kết quả đào tạo	3.70	3.90	3.67	3.66	3.59	3.78	3.52	3.48	3.53	3.56
Trung bình chung	**3.89**	**3.80**	**3.77**	**3.76**	**3.75**	**3.74**	**3.64**	**3.61**	**3.56**	**3.55**

PHẦN 10: KẾT LUẬN CỦA BÁO CÁO KHẢO SÁT

- Số sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm: **549** chiếm tỷ lệ **39.99%**. Sinh viên chưa có việc làm lý do chủ yếu là đang xin việc chưa có kết quả chiếm tỷ lệ 63.02%.
- Số sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm: **824** chiếm tỷ lệ **60.01%**. Cụ thể, sinh viên có việc làm trước khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ 51.21%, kế đến là sinh viên tìm được việc làm trong vòng 1 tháng chiếm tỷ lệ 20.51%.
    - Mức độ phù hợp của công việc so với ngành đào tạo từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 72.21%, cụ thể:
        - Mức độ trung bình chiếm tỷ lệ 20.27%.
        - Mức độ khá chiếm tỷ lệ 24.27%.
        - Mức độ hoàn toàn phù hợp chiếm tỷ lệ 27.67%.
    - Sinh viên làm việc chủ yếu trong doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ 68.33%.
    - Mức thu nhập của sinh viên bình quân/tháng từ 3 - < 5 triệu chiếm tỷ lệ 45.15%, kế đến là từ 5 - < 7 triệu chiếm tỷ lệ 30.22%.
    - Bằng tốt nghiệp của trường Đại học Mở TP.HCM có ảnh hưởng đối với mức lương hiện tại từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 58.37%, với mức độ ảnh hưởng đa phần là trung bình 36.04%:
        - Mức độ trung bình chiếm tỷ lệ 36.04%.
        - Mức độ khá chiếm tỷ lệ 17.60%.
        - Mức độ ảnh hưởng rất nhiều chiếm tỷ lệ 4.73%.
    - Bằng tốt nghiệp của trường Đại học Mở TP.HCM có ảnh hưởng đối với cơ hội thăng tiến trong công việc từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ 70.15%, với mức độ ảnh hưởng đa phần là trung bình 36.17%:
        - Mức độ trung bình chiếm tỷ lệ 36.17%.
        - Mức độ khá chiếm tỷ lệ 26.58%.
        - Mức độ ảnh hưởng rất nhiều chiếm tỷ lệ 7.40%.
- Khi có điều kiện tiếp tục học tập, đa số sinh viên chọn Trường Đại học Mở TP. HCM để đăng ký học tiếp chiếm tỷ lệ 88.78%.

1. Đánh giá về chương trình đào tạo tại trường:

- ✓ Nhìn chung, sinh viên đánh giá "Khá" về chương trình đào tạo.
- ✓ Tất cả 5 tiêu chí đều được đánh giá "Khá", cụ thể:
  - Đánh giá "Khá" cao nhất là: "Kiểm tra, thi cử phù hợp với nội dung môn học" có giá trị trung bình 4.07, kế đến là "Trình tự các môn học được tổ chức hợp lý" có giá trị trung bình 3.72.
  - Đánh giá "Khá" thấp nhất là: "Chương trình đào tạo sát với yêu cầu công việc" có giá trị trung bình 3.35.

2. Đánh giá về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường:

- ✓ Nhìn chung, sinh viên đánh giá "Khá" về hệ thống hỗ trợ học tập tại trường.
- ✓ Có 1 tiêu chí đánh giá "Tốt" và 10 tiêu chí đánh giá "Khá", cụ thể:
  - Đánh giá "Tốt" là: "Thái độ phục vụ của nhân viên Khoa" có giá trị trung bình 4.22.
  - Đánh giá "Khá" cao nhất là: "Giáo trình, tài liệu được giới thiệu đầy đủ" có giá trị trung bình 4.10, kế đến là "Các thông tin dễ tiếp cận (web, bảng, BCS lớp, CVHT,...)" có giá trị trung bình 3.93.
  - Đánh giá "Khá" thấp nhất là: "Sự thu hút của các hoạt động Đoàn, Hội" có giá trị trung bình 3.49.

3. Đánh giá về kết quả đào tạo:

- ✓ Nhìn chung, sinh viên đánh giá "Khá" về kết quả đào tạo.
- ✓ Tất cả 5 tiêu chí đều được đánh giá "Khá", cụ thể:
  - Đánh giá "Khá" cao nhất là: "Khả năng sử dụng tin học trong công việc" có giá trị trung bình 3.81, kế đến là "Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu" có giá trị trung bình 3.76.
  - Đánh giá "Khá" thấp nhất là: "Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc" có giá trị trung bình 3.38.

Ban Giám Hiệu

Người viết báo cáo

Huỳnh Gia Xuyên

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Thu